

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1428 /UBND-KT

Tây Ninh, ngày 29 tháng 4 năm 2022

V/v: Phê duyệt kế hoạch kinh doanh
năm 2022 của Công ty TNHH MTV
Xổ số kiến thiết Tây Ninh.

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh.

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 52/TTr-STC ngày 22/4/2022 về việc phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

- Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 52/TTr-STC ngày 22/4/2022 (Tờ trình số 52/TTr-STC kèm theo).

- Đề nghị Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh căn cứ triển khai thực hiện./.

Nơi nhận: *th*

- Như trên;
- CT, các PCT;
- LĐVP; P. KT;
- Lưu: VT VP.

72 VINH
5

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thắng

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2022
của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Thực hiện Công văn số 2654/UBND-KTTC ngày 27/11/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2020 và 5 năm giai đoạn 2021-2025 của Công ty;

Theo Tờ trình số 23/TTr-XSKT.CT ngày 23/3/2022 của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh (viết tắt là Công ty) và Báo cáo số 10/BC-KSV ngày 24/3/2022 của Kiểm soát viên Công ty về việc phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty.

Qua nghiên cứu, Sở Tài chính thống nhất với kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty. Cụ thể như sau:

I. Mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch:

1. Mục tiêu

- Kinh doanh có hiệu quả; bảo toàn và phát triển vốn; ổn định và mở rộng thị trường; đảm bảo tăng trưởng đi đôi với phát triển; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

- Bảo đảm nguồn thu ngân sách, góp phần quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh; kiện toàn, nâng cao năng lực quản lý và năng lực quản trị; hoàn thiện mô hình quản lý công ty phù hợp với tình hình mới.

- Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

2. Nhiệm vụ

- Phát triển kinh doanh ổn định, bền vững.

- Nộp ngân sách kịp thời và đầy đủ theo quy định.

- Phát triển thêm các loại hình xổ số phù hợp, hiện đại, từng bước đáp ứng nhu cầu giải trí của thị trường xổ số, bổ sung nguồn thu cho ngân sách.

- Giữ vững và phát triển thương hiệu của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh.

II. Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách và các chỉ tiêu kế hoạch khác:

1. Doanh số phát hành vé xổ số:	5.780.000.000.000 đồng.
2. Doanh thu tiêu thụ vé xổ số:	5.634.000.000.000 đồng.
3. Tổng doanh thu:	5.143.718.181.818 đồng.
- Doanh thu tính thuế vé xổ số:	5.121.818.181.818 đồng.
- Doanh thu cho thuê văn phòng:	3.400.000.000 đồng.
- Doanh thu tài chính:	18.000.000.000 đồng.
- Doanh thu khác:	500.000.000 đồng.
4. Khoản giảm trừ DT (thuế TTĐB vé xổ số):	668.063.241.107 đồng.
5. Tổng chi phí:	3.828.654.940.711 đồng.
- Chi phí kinh doanh vé xổ số:	3.826.254.940.711 đồng.
+ Chi phí trả thưởng:	2.822.700.000.000 đồng.
+ Chi phí trực tiếp phát hành xổ số:	912.708.000.000 đồng.
+ Chi phí quản lý kinh doanh xổ số:	90.846.940.711 đồng.
- Chi phí KD cho thuê văn phòng:	2.400.000.000 đồng.
6. Tổng lợi nhuận trước thuế:	647.000.000.000 đồng.
- Lợi nhuận kinh doanh vé xổ số:	627.500.000.000 đồng.
- Lợi nhuận KD cho thuê văn phòng:	1.000.000.000 đồng.
- Lợi nhuận tài chính:	18.000.000.000 đồng.
- Lợi nhuận khác:	500.000.000 đồng.
7. Nộp ngân sách:	1.650.000.000.000 đồng.

(Kèm theo Phụ lục I).

III. Giải pháp thực hiện kế hoạch: (kèm theo Phụ lục II).**IV. Tổ chức thực hiện:**

Sau khi được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt, Ban Giám đốc căn cứ tình hình thực tế cụ thể hóa đảm bảo hoàn thành kế hoạch, báo cáo tiến độ thực hiện theo quy định.

Sở Tài chính kính trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công ty TNHH MTV XSKT;
- Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV XSKT;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VP, VT. Sở, QLNS.

GIÁM ĐỐC**Văn Tiên Dũng**

Phụ lục I

Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách và các chỉ tiêu kế hoạch khác

ĐVT: Đồng.

Số TT	Nội dung	Kế hoạch kinh doanh năm 2021 được UBND tỉnh phê duyệt tại Công văn 1205/UBND-KT ngày 23/4/2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch kinh doanh năm 2022	So sánh			
					Số tuyệt đối		Số tương đối	
					TH 2021/KH 2021	KH 2022/TH 2021	TH 2021/KH 2021	KH 2022/TH 2021
A	B	I	2	3	4=(2/1)	5=(3/2)	6=(2-1)	8=(3-2)
1	Doanh số phát hành	5.724.500.000.000	4.073.283.000.000	5.780.000.000.000	71,16%	141,90%	-1.651.217.000.000	1.706.717.000.000
a	Vé số truyền thống	5.670.000.000.000	4.030.000.000.000	5.720.000.000.000	71,08%	141,94%	-1.640.000.000.000	1.690.000.000.000
b	Vé số tự chọn	54.500.000.000	43.283.000.000	60.000.000.000	79,42%	138,62%	-11.217.000.000	16.717.000.000
2	Doanh thu tiêu thụ	5.553.020.000.000	3.767.994.670.000	5.634.000.000.000	67,85%	149,52%	-1.785.025.330.000	1.866.005.330.000
a	Vé số truyền thống	5.500.000.000.000	3.727.093.570.000	5.577.000.000.000	67,77%	149,63%	-1.772.906.430.000	1.849.906.430.000
-	- Tỷ lệ	97,00%	92,48%	97,50%	95,34%	105,42%	0	0
b	Vé số tự chọn	53.020.000.000	40.901.100.000	57.000.000.000	77,14%	139,36%	-12.118.900.000	16.098.900.000
-	- Tỷ lệ	97,28%	94,50%	95,00%	97,13%	100,53%	0	0
3	Tổng doanh thu	5.072.300.000.000	3.485.999.392.564	5.143.718.181.818	68,73%	147,55%	-1.586.300.607.436	1.657.718.789.254
3.1	Doanh thu tính thuế vé số	5.048.200.000.000	3.425.449.700.000	5.121.818.181.818	67,85%	149,52%	-1.622.750.300.000	1.696.368.481.818
a	Vé số truyền thống	5.000.000.000.000	3.388.266.881.818	5.070.000.000.000	67,77%	149,63%	-1.611.733.118.182	1.681.733.118.182
b	Vé số tự chọn	48.200.000.000	37.182.818.182	51.818.181.818	77,14%	139,36%	-11.017.181.818	14.635.363.636
-	Thuế GTGT	504.820.000.000	342.544.970.000	512.181.818.182	67,85%	149,52%	-162.275.030.000	169.636.848.182
-	Khấu trừ thuế đầu vào	5.000.000.000	3.983.285.170	5.000.000.000	79,67%	125,52%	-1.016.714.830	1.016.714.830
-	Thuế GTGT phải nộp	499.820.000.000	338.561.684.830	507.181.818.182	67,74%	149,80%	-161.258.315.170	168.620.133.352
*	Các khoản giảm trừ (thuế TTĐB)	658.460.869.565	446.797.786.956	668.063.241.107	67,85%	149,52%	-211.663.082.609	221.265.454.151
3.2	Doanh thu cho thuê văn phòng	3.600.000.000	3.429.510.158	3.400.000.000	95,26%	99,14%	-170.489.842	-29.510.158
3.3	Doanh thu tài chính	20.000.000.000	21.369.273.715	18.000.000.000	106,85%	84,23%	1.369.273.715	-3.369.273.715
3.4	Doanh thu bất thường	500.000.000	35.750.908.691	500.000.000	7150,18%	1,40%	35.250.908.691	-35.250.908.691
-	Thuế GTGT	50.000.000	349.125.006	50.000.000	698,25%	14,32%	299.125.006	-299.125.006
4	Doanh thu thuần+khác	4.413.839.130.435	3.039.201.605.608	4.475.654.940.711	68,86%	147,26%	-1.374.637.524.827	1.436.453.335.103
5	Tổng chi phí	3.761.839.130.435	2.585.681.590.703	3.828.654.940.711	68,73%	148,07%	-1.176.157.539.732	1.242.973.350.008
5.1	Chi phí kinh doanh xổ số	3.759.439.130.435	2.583.514.546.056	3.826.254.940.711	68,72%	148,10%	-1.175.924.584.379	1.242.740.394.655
-	Chi phí trả thưởng	2.781.812.000.000	1.888.386.251.000	2.822.700.000.000	67,88%	149,48%	-893.425.749.000	934.313.749.000
+	Vé số truyền thống	2.750.000.000.000	1.863.546.785.000	2.788.500.000.000	67,77%	149,63%	-886.453.215.000	924.953.215.000

Số TT	Nội dung	Kế hoạch kinh doanh năm 2021 được UBND tỉnh phê duyệt tại Công văn 1205/UBND-KT ngày 23/4/2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch kinh doanh năm 2022	So sánh			
					Số tuyệt đối		Số tương đối	
					TH 2021/KH 2021	KH 2022/TH 2021	TH 2021/KH 2021	KH 2022/TH 2021
A	B	I	2	3	4=(2/1)	5=(3/2)	6=(2-1)	8=(3-2)
	- Tỷ lệ	50,00%	50,00%	50,00%	100,00%	100,00%	0	0
+	Vé số tự chọn	31.812.000.000	24.839.466.000	34.200.000.000	78,08%	137,68%	-6.972.534.000	9.360.534.000
	- Tỷ lệ	60,00%	60,73%	60,00%	101,22%	98,80%	0	0
-	Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	890.000.000.000	608.206.260.325	912.708.000.000	68,34%	150,07%	-281.793.739.675	304.501.739.675
	- Tỷ lệ	16,03%	16,14%	16,20%	100,71%	100,36%	0	0
-	Chi phí quản lý kinh doanh xổ số	87.627.130.435	86.922.034.731	90.846.940.711	99,20%	104,52%	-705.095.704	3.924.905.980
	- Tỷ lệ	1,58%	2,31%	1,61%	146,19%	69,90%	0	0
5.2	Chi phí KD cho thuê văn phòng	2.400.000.000	1.966.265.951	2.400.000.000	81,93%	122,06%	-433.734.049	433.734.049
5.3	Chi phí tài chính						0	0
5.4	Chi phí bất thường		200.778.696				200.778.696	-200.778.696
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	652.000.000.000	453.520.014.905	647.000.000.000	69,56%	142,66%	-198.479.985.095	193.479.985.095
6.1	Lợi nhuận kinh doanh vé số	630.300.000.000	395.137.366.988	627.500.000.000	62,69%	158,81%	-235.162.633.012	232.362.633.012
6.2	Lợi nhuận kinh doanh cho thuê VP	1.200.000.000	1.463.244.207	1.000.000.000	121,94%	68,34%	263.244.207	-463.244.207
6.3	Lợi nhuận tài chính	20.000.000.000	21.369.273.715	18.000.000.000	106,85%	84,23%	1.369.273.715	-3.369.273.715
6.4	Lợi nhuận khác	500.000.000	35.550.129.995	500.000.000	7110,03%	1,41%	35.050.129.995	-35.050.129.995
7	Thu nhập chịu thuế	652.000.000.000	453.495.059.905	647.000.000.000	69,55%	142,67%	-198.504.940.095	193.504.940.095
8	Thu nhập không chịu thuế		24.955.000			0,00%	24.955.000	-24.955.000
9	Thuế thu nhập doanh nghiệp	130.400.000.000	90.699.011.981	129.400.000.000	69,55%	142,67%	-39.700.988.019	38.700.988.019
10	Lợi nhuận sau thuế	521.600.000.000	362.821.002.924	517.600.000.000	69,56%	142,66%	-158.778.997.076	154.778.997.076
11	Nộp ngân sách nhà nước	1.750.000.000.000	1.350.000.000.000	1.650.000.000.000	77,14%	122,22%	-400.000.000.000	300.000.000.000

Phụ lục II

Giải pháp thực hiện kế hoạch

1. Giải pháp về tổ chức quản lý, điều hành
 - Thay đổi quản trị để giữ vững và phát triển thị phần, mở rộng mạng lưới và các kênh phân phối.
2. Giải pháp về nguồn nhân lực
 - Thực hiện tốt việc đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao trình độ, năng lực để đáp ứng kịp thời trong tình hình mới, nhu cầu chiến lược phát triển lâu dài; có kế hoạch quy hoạch, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trẻ đủ năng lực kế thừa.
 - Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.
3. Giải pháp về thị trường
 - Chấp hành tốt các quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số. Thực hiện tốt định hướng phát triển hoạt động kinh doanh xổ số theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
 - Đề ra các giải pháp cụ thể để ổn định thị trường tiêu thụ hiện tại.
 - Tích cực mở rộng, phát triển thị trường mới.
4. Về loại hình sản phẩm
 - Tiếp tục duy trì và phát triển các loại hình xổ số hiện tại gồm vé xổ số truyền thống, vé xổ số lô tô (vé tự chọn).
 - Thường xuyên nghiên cứu cải tiến mẫu mã, chất lượng tờ vé, đáp ứng tốt nhất thị hiếu khách hàng.
 - Chủ động nghiên cứu các loại hình xổ số mới và triển khai thực hiện khi Bộ Tài chính cho phép.
5. Về phân phối sản phẩm
 - Củng cố và phát triển hệ thống mạng lưới đại lý vé số Tây Ninh khu vực miền Nam ngày càng vững chắc và bền vững.
 - Tổ chức khảo sát, nghiên cứu thị trường để phát triển thêm đại lý có năng lực tại các địa phương có tiềm năng nhằm làm tăng thị phần, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững.
6. Về tuyên truyền, quảng bá sản phẩm
 - Tuyên truyền, quảng bá, thông tin đến các tầng lớp dân cư để người dân có nhận thức đúng hơn với các hình thức vui chơi xổ số (Nguồn thu từ xổ số sẽ được đầu tư trở lại cho người dân qua các hình thức phúc lợi xã hội như y tế, giáo dục, kêu cứu hạ tầng..., tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, người khuyết tật, ...trong tỉnh và các địa phương lân cận).

- Xây dựng phong cách văn minh, lịch sự trong khâu tiêu thụ vé số, nhất là trong khâu bán lẻ.

7. Giải pháp về tài chính

- Quản lý vốn, tài sản của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

- Trong quá trình hoạt động, tùy tình hình thực tế sẽ kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính cho tăng vốn điều lệ nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của Công ty.

8. Giải pháp về đổi mới, hiện đại hóa công nghệ quản lý

- Có kế hoạch đi học tập kinh nghiệm, nghiên cứu mô hình tổ chức các loại hình xổ số mới, hiện đại của khu vực và thế giới hiện nay để ứng dụng.

- Thay thế, trang bị mới các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác xổ số như lồng cầu quay số, các phần mềm quản lý, hệ thống các loại hình vé xổ số mới.

9. Công tác chăm sóc khách hàng

- Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi về vật chất, tinh thần một cách hợp lý, đúng quy định tạo niềm tin cho đại lý vé số Tây Ninh an tâm phát triển kinh doanh ổn định và lâu dài.

- Tổ chức cho tất cả đại lý giao lưu, học hỏi kinh nghiệm các Công ty bạn và giữa các đại lý với nhau, giao lưu gắn kết mối quan hệ thân thiết giữa Lãnh đạo, cán bộ, công nhân viên Công ty với đại lý, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đại lý yên tâm trong việc nhận và bán vé số Tây Ninh.

- Tổ chức động viên kịp thời các đại lý có doanh số tiêu thụ vé hàng kỳ đạt tỷ lệ cao so với kế hoạch Công ty đề ra.

10. Công tác in và phòng chống vé giả

- Tích cực phối hợp với cơ quan pháp luật, các Công ty Xổ số kiến thiết trong khu vực trong đấu tranh chống tình trạng số đề, làm vé số giả, cạo sửa vé trúng thưởng, kịp thời hạn chế những rủi ro cho đại lý và khách hàng.

- Áp dụng công nghệ in ấn hiện đại vào tờ vé Tây Ninh để tăng tính bảo mật, tính thẩm mỹ; tích cực nghiên cứu, đề xuất các biện pháp cải tiến kỹ thuật in ấn vé số, thay đổi mẫu mã, hình ảnh theo từng kỳ vé, thêm những dấu hiệu riêng biệt để thuận tiện kiểm tra.

11. Tiết kiệm chống lãng phí

- Xây dựng định mức các khoản chi phí nội bộ, thực hành tiết kiệm, tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính.

- Tăng cường thực hành, tiết kiệm chống lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại công ty.